

Số: ~~124~~ 81/QĐ-KTNN

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế sử dụng Cộng tác viên Kiểm toán nhà nước

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Kiểm toán nhà nước ngày 24 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiểm toán nhà nước ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 220/QĐ-KTNN ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc ban hành Quy chế soạn thảo, thẩm định, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quản lý của Kiểm toán nhà nước;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế sử dụng Cộng tác viên Kiểm toán nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ℓ*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo KTNN;
- Các đơn vị trực thuộc KTNN;
- Lưu: VT, CD (02). ✓

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC



Ngô Văn Tuấn



KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
SỬ DỤNG CỘNG TÁC VIÊN KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1348/QĐ-KTNN ngày 21/10/2023
của Tổng Kiểm toán nhà nước)

Chương 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc Kiểm toán nhà nước sử dụng cộng tác viên thực hiện tư vấn, giám định chuyên môn, các công việc hỗ trợ trong hoạt động kiểm toán theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước; quy định phạm vi sử dụng, nguyên tắc, tiêu chuẩn, điều kiện đối với cộng tác viên; quy định về quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên liên quan đến sử dụng cộng tác viên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước; cộng tác viên thực hiện nhiệm vụ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm toán của Kiểm toán nhà nước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cộng tác viên Kiểm toán nhà nước (sau đây gọi là cộng tác viên) là cá nhân hoặc tổ chức trong nước và ngoài nước, tại thời điểm ký hợp đồng không thuộc biên chế hoặc hợp đồng lao động với Kiểm toán nhà nước, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Quy chế này; được Kiểm toán nhà nước sử dụng trong một số công việc liên quan đến hoạt động kiểm toán dưới hình thức hợp đồng thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Quy chế này.

2. Cộng tác viên là cá nhân gồm: Các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý trong nước và ngoài nước, là những người được đào tạo chuyên sâu, có kinh nghiệm, có trình độ, kỹ năng chuyên môn cao thuộc các chuyên ngành phù hợp với công việc mà Kiểm toán nhà nước yêu cầu.

3. Cộng tác viên là tổ chức gồm: Các cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp, các cơ sở nghiên cứu khoa học, đào tạo trong nước và ngoài nước có tư cách

pháp nhân, năng lực kinh nghiệm, có đội ngũ nhân viên đủ điều kiện, tiêu chuẩn, chuyên sâu phù hợp với yêu cầu của hoạt động kiểm toán nhà nước.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

1. Chỉ sử dụng cộng tác viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Quy chế này. Việc sử dụng cộng tác viên được thực hiện thông qua hợp đồng thực hiện nhiệm vụ bằng văn bản.

2. Việc sử dụng cộng tác viên là cá nhân hoặc tổ chức ngoài nước chỉ được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Cộng tác viên trong nước không đáp ứng được tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này;

b) Theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia;

c) Theo quy định của các thỏa thuận quốc tế mà Kiểm toán nhà nước ký kết hoặc tham gia.

3. Khi thực hiện nhiệm vụ, cộng tác viên phải tuân thủ các quy định theo hợp đồng đã ký với Kiểm toán nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan; không được giao cho người khác, tổ chức khác thực hiện thay công việc nếu không được sự đồng ý của Kiểm toán nhà nước. Trường hợp cộng tác viên là thành viên Đoàn kiểm toán, phải tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 43 Luật Kiểm toán nhà nước và các quy định hiện hành có liên quan của Kiểm toán nhà nước.

4. Cộng tác viên phải bảo đảm nguyên tắc bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và các quy định của Kiểm toán nhà nước về bảo mật thông tin.

5. Cộng tác viên chịu trách nhiệm trước Kiểm toán nhà nước và pháp luật về tính đầy đủ, khách quan, trung thực, hợp pháp của số liệu, tài liệu, kết quả và kết luận đối với nội dung, công việc được thực hiện theo hợp đồng đã cung cấp cho Kiểm toán nhà nước. Kiểm toán nhà nước quyết định việc sử dụng số liệu, tài liệu kết quả và kết luận của cộng tác viên theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước và Chuẩn mực Kiểm toán nhà nước.

Điều 5. Kinh phí sử dụng cộng tác viên

Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu sử dụng cộng tác viên, Kiểm toán nhà nước lập dự toán kinh phí sử dụng cộng tác viên. Kinh phí sử dụng cộng tác viên được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của Kiểm toán nhà nước hoặc dự toán bổ sung trong trường hợp phát sinh đột xuất theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Chương 2

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Các công việc được sử dụng công tác viên

Kiểm toán nhà nước sử dụng công tác viên thực hiện các công việc (khi cần thiết) gồm:

1. Tư vấn về chuyên môn

a) Tư vấn chuyên môn trong việc xây dựng chuẩn mực kiểm toán, quy trình kiểm toán của Kiểm toán nhà nước; xây dựng chương trình, tài liệu hướng dẫn chuyên môn kiểm toán;

b) Tư vấn trong công tác chuẩn bị kiểm toán: Thuyết trình về cơ chế, chính sách, chế độ quản lý và những bất cập, hạn chế trong thực tế liên quan đến nội dung kiểm toán; khảo sát, thu thập thông tin; xác định trọng tâm, trọng yếu, rủi ro kiểm toán, nội dung và phương pháp kiểm toán; xây dựng các tiêu chí kiểm toán,...;

c) Tư vấn chuyên môn trong quá trình thực hiện kiểm toán, lập Báo cáo kiểm toán;

d) Tư vấn chuyên môn trong quá trình kiểm tra thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán, trả lời khiếu nại, giải quyết khởi kiện quyết định giải quyết khiếu nại của đơn vị được kiểm toán, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm toán.

2. Tham gia hỗ trợ công tác kiểm toán:

a) Nghiên cứu tài liệu, hồ sơ kỹ thuật, chuyên môn trợ giúp cho công tác kiểm toán; dịch tài liệu kỹ thuật, chuyên môn; thực hiện một số công việc thuộc nội dung kiểm toán; sử dụng chuyên gia để trợ giúp kiểm toán viên nhà nước theo quy định của chuẩn mực Kiểm toán nhà nước về việc sử dụng chuyên gia.

b) Giám định chuyên môn: Kiểm định chất lượng công trình xây dựng, máy móc, thiết bị; thẩm định giá cả và xuất xứ máy móc, thiết bị; giám định tài liệu chứng từ; kiểm kê; định giá tài sản, doanh nghiệp; đo đạc địa chính, địa hình, địa vật, diện tích, kích thước hình học; khoan thí nghiệm xác định địa chất các lớp đất đá; siêu âm để xác định chiều dài cọc khoan nhồi, cốt thép, chiều dày bảo vệ cốt thép trong các kết cấu; kiểm tra các kết cấu chìm khuất; kiểm định chất lượng môi trường, quan trắc và phân tích thành phần môi trường; các trường hợp khác cần sử dụng chuyên gia giám định chuyên môn theo quy định của chuẩn mực Kiểm toán nhà nước.

c) Các công việc khác do Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện cộng tác viên

1. Đối với cộng tác viên là cá nhân

a) Tiêu chuẩn

- Có trình độ, kỹ năng chuyên môn phù hợp với chuyên ngành và công việc mà Kiểm toán nhà nước yêu cầu;
- Có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, trung thực, khách quan;
- Có kinh nghiệm làm việc, nghiên cứu, quản lý tối thiểu 5 năm liên tục trong lĩnh vực chuyên môn liên quan đến yêu cầu của Kiểm toán nhà nước;
- Có bằng cấp, chứng chỉ hoặc giấy phép hành nghề (được cấp của cơ quan chức năng có thẩm quyền) liên quan đến yêu cầu, nội dung công việc mà Kiểm toán nhà nước yêu cầu theo quy định của pháp luật.

b) Điều kiện

- Phải có đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điểm a Khoản 1 điều này;
- Trong 3 năm trước liền kề và tại thời điểm ký hợp đồng không có sai phạm, vi phạm pháp luật bị cơ quan nhà nước, hội nghề nghiệp xử lý; không thuộc diện liên quan đến các vụ việc đang bị điều tra, khiếu nại, tố cáo liên quan đến lĩnh vực chuyên môn theo yêu cầu của Kiểm toán nhà nước;
- Cộng tác viên tham gia kiểm toán không thuộc các trường hợp theo Điều 28 của Luật Kiểm toán nhà nước và không tham gia làm việc, tư vấn cho đơn vị được kiểm toán hoặc các tình huống khác làm ảnh hưởng đến tính độc lập, khách quan trong thực hiện nhiệm vụ (do thành kiến, mâu thuẫn lợi ích, hoặc những nhân tố khác có ảnh hưởng đến những xét đoán nghề nghiệp).
- Trường hợp cộng tác viên là cá nhân ngoài nước phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- Cộng tác viên không vi phạm các hợp đồng đã ký trước đây với Kiểm toán nhà nước.

2. Đối với cộng tác viên là tổ chức

a) Tiêu chuẩn

- Được thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật đối với các công việc mà Kiểm toán nhà nước yêu cầu;
- Có uy tín, đủ năng lực chuyên môn thuộc các chuyên ngành phù hợp với công việc mà Kiểm toán nhà nước yêu cầu;

- Tại thời điểm ký hợp đồng có thời gian hành nghề tối thiểu 03 năm trong lĩnh vực chuyên môn mà Kiểm toán nhà nước yêu cầu.

b) Điều kiện

- Phải có đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này;

- Trong 3 năm trước liền kề và tại thời điểm ký hợp đồng không có sai phạm, vi phạm pháp luật bị cơ quan nhà nước, hội nghề nghiệp xử lý; không thuộc diện liên quan đến các vụ việc đang bị điều tra, khiếu nại, tố cáo liên quan đến lĩnh vực chuyên môn theo yêu cầu của Kiểm toán nhà nước;

- Trong 02 năm trước liền kề và hiện tại không thực hiện các công việc liên quan đến các công việc mà Kiểm toán nhà nước yêu cầu với đơn vị được kiểm toán;

- Không sở hữu vốn hoặc có các lợi ích liên quan đến đơn vị được kiểm toán.

- Trường hợp cộng tác viên là tổ chức ngoài nước phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Không vi phạm các hợp đồng đã ký trước đây với Kiểm toán nhà nước.

c) Các tổ chức chỉ cử cá nhân, người lao động thuộc tổ chức mình đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này tham gia thực hiện nhiệm vụ cộng tác với Kiểm toán nhà nước.

3. Trường hợp đặc biệt cần bổ sung, điều chỉnh các tiêu chuẩn, điều kiện so với quy định tại Điều này thì báo cáo Tổng Kiểm toán nhà nước xem xét quyết định.

Điều 8. Lựa chọn cộng tác viên

1. Lập danh sách cộng tác viên: Căn cứ vào nhu cầu sử dụng cộng tác viên hoặc căn cứ vào tình hình thực tế trong quá trình kiểm toán, thủ trưởng đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước xác định nhu cầu sử dụng cộng tác viên, đề xuất nội dung công việc cần sử dụng cộng tác viên và lập danh sách cộng tác viên trình Tổng Kiểm toán nhà nước.

2. Thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện cộng tác viên:

a) Các đơn vị có nhu cầu sử dụng cộng tác viên (*đơn vị chủ trì*) đề xuất tiêu chuẩn, điều kiện, các nội dung có liên quan đến việc sử dụng cộng tác viên trình Tổng Kiểm toán nhà nước (*qua Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán*) xem xét, quyết định.

b) Trường hợp cần thiết, Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán chủ trì tham mưu, đề xuất Tổng Kiểm toán nhà nước thành lập Hội đồng thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện đối với cộng tác viên. Thành phần Hội đồng thẩm định gồm:

- Tổng Kiểm toán nhà nước hoặc Phó Tổng Kiểm toán nhà nước phụ trách đơn vị chủ trì - Chủ tịch Hội đồng.

- Đại diện Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán (01 Lãnh đạo Vụ làm thành viên thường trực; 01 Lãnh đạo Phòng làm thành viên thư ký).

- Thủ trưởng đơn vị chủ trì - Thành viên.

- Đại diện Lãnh đạo Vụ Tổng hợp - Thành viên.

- Đại diện Lãnh đạo Vụ Pháp chế - Thành viên.

- Đại diện Lãnh đạo Văn phòng Kiểm toán nhà nước - Thành viên.

- Thành phần khác do Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định.

3. Tổ chức lựa chọn cộng tác viên, phê duyệt và ký hợp đồng: Trên cơ sở phê duyệt của Tổng Kiểm toán nhà nước về kết quả lựa chọn cộng tác viên, các đơn vị có trách nhiệm hoàn tất thủ tục lựa chọn cộng tác viên và ký hợp đồng với cộng tác viên theo quy định của pháp luật. Trường hợp cần thiết, Văn phòng Kiểm toán nhà nước, Kiểm toán nhà nước khu vực chủ trì phối hợp với Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán và các đơn vị có liên quan (nếu có) tham mưu cho Tổng Kiểm toán nhà nước tổ chức lựa chọn cộng tác viên theo quy định của Luật Đấu thầu.

Điều 9. Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ

1. Kiểm toán nhà nước (Văn phòng Kiểm toán nhà nước, Kiểm toán nhà nước khu vực) và cộng tác viên ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở quy định của pháp luật hiện hành.

2. Hợp đồng gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ của các bên; tài khoản ngân hàng giao dịch, mã số thuế (nếu có);

b) Nội dung, phạm vi công việc thực hiện;

c) Quy định về chuyên môn phải thực hiện;

d) Quyền và nghĩa vụ của các bên;

đ) Kết quả thực hiện hợp đồng (Báo cáo kết quả thực hiện công việc tư vấn, số liệu, các tài liệu ghi chép của cộng tác viên kiểm toán...);

e) Giá hợp đồng và phương thức nghiệm thu, thanh toán, thanh lý hợp đồng;

g) Cam kết thực hiện và thời hạn hoàn thành; thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng;

h) Hiệu lực và thời hạn hợp đồng;

i) Các điều khoản khác (nếu có).

Điều 10. Kiểm tra, giám sát

1. Kiểm toán nhà nước có quyền và trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Quy chế này và theo quy định của pháp luật.

2. Cộng tác viên có nghĩa vụ chấp hành sự kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng và chất lượng công việc theo yêu cầu của Kiểm toán nhà nước.

3. Hoạt động kiểm tra, giám sát của Kiểm toán nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật và của Kiểm toán nhà nước.

Điều 11. Quyền hạn và nghĩa vụ của cộng tác viên

1. Quyền hạn

a) Được quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ khi thực hiện các công việc đã được ghi trong hợp đồng thực hiện nhiệm vụ;

b) Nhận đầy đủ, kịp thời kinh phí từ Kiểm toán nhà nước theo các điều khoản cam kết tại hợp đồng đã ký giữa hai bên;

c) Đề nghị Kiểm toán nhà nước yêu cầu đơn vị được kiểm toán cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu cần thiết và giải trình các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ được giao;

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng.

2. Nghĩa vụ

a) Thực hiện khai báo kịp thời với Kiểm toán nhà nước nếu thuộc các trường hợp làm ảnh hưởng đến tính độc lập, khách quan trong thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điểm b Khoản 1 và Điểm b Khoản 2 Điều 7 của Quy chế này.

b) Thực hiện nhiệm vụ theo đúng nội dung hợp đồng;

c) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Luật Kiểm toán nhà nước và các quy định pháp luật liên quan;

d) Chịu trách nhiệm trước Kiểm toán nhà nước và trước pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao và theo hợp đồng đã ký; khi có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo hợp đồng và theo quy định của pháp luật;

d) Khi tham gia Đoàn kiểm toán, cộng tác viên phải:

- Chấp hành và hoàn thành nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng đoàn hoặc Tổ trưởng Tổ kiểm toán; tuân thủ chuẩn mực, quy trình và phương pháp chuyên môn, nghiệp vụ kiểm toán; Quy chế tổ chức và hoạt động của đoàn kiểm toán của Kiểm toán nhà nước; chấp hành nghiêm các quy định tại Khoản 1 Điều 8 của Luật Kiểm toán nhà nước và các quy định khác có liên quan của Kiểm

toán nhà nước. Trường hợp cộng tác viên là tổ chức thì phải bố trí người có trình độ chuyên môn phù hợp, đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện như cộng tác viên là cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều 7 của Quy chế này để đảm bảo tiến độ và chất lượng công việc;

- Có trách nhiệm báo cáo trung thực về các mối quan hệ làm ảnh hưởng đến tính khách quan trong hoạt động kiểm toán theo Điều 28 của Luật Kiểm toán nhà nước;

- Thông báo kịp thời với Tổ trưởng, Trưởng đoàn kiểm toán để báo cáo Kiểm toán nhà nước theo quy định khi phát hiện đơn vị được kiểm toán và các tổ chức, cá nhân có liên quan có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

e) Chấp hành các yêu cầu của Kiểm toán nhà nước về việc báo cáo, kiểm tra, giám sát;

g) Cộng tác viên chịu trách nhiệm bảo mật tài liệu, số liệu và các thông tin do đơn vị được kiểm toán hoặc Kiểm toán nhà nước cung cấp theo quy định của Kiểm toán nhà nước và quy định của pháp luật;

h) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng.

Điều 12. Quyền hạn và nghĩa vụ của Kiểm toán nhà nước

1. Quyền hạn

a) Yêu cầu cộng tác viên thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các cam kết trong hợp đồng và quy định của Quy chế này;

b) Có quyền chấm dứt hợp đồng đối với cộng tác viên nếu cộng tác viên vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện hợp đồng hoặc vi phạm cam kết theo hợp đồng đã ký giữa hai bên;

c) Yêu cầu bồi thường trong trường hợp cộng tác viên gây thiệt hại cho đơn vị được kiểm toán, đơn vị, cá nhân có liên quan và cho Kiểm toán nhà nước;

d) Khởi kiện cộng tác viên khi vi phạm hợp đồng theo quy định của pháp luật;

đ) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các điều khoản hợp đồng, kiểm soát chất lượng kiểm toán theo Quy chế kiểm soát chất lượng kiểm toán;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng.

2. Nghĩa vụ

a) Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho cộng tác viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

b) Thanh toán đầy đủ, kịp thời kinh phí theo thoả thuận trong hợp đồng;

c) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng.

Điều 13. Trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước

1. Trách nhiệm của các đơn vị tham mưu:

a) Văn phòng Kiểm toán nhà nước có trách nhiệm: Tổng hợp nhu cầu và dự toán từ các đơn vị, lập dự toán và tổng hợp quyết toán kinh phí sử dụng công tác viên chung toàn ngành, trình các cấp có thẩm quyền quyết định; chủ trì phối hợp với Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán và các đơn vị có nhu cầu sử dụng công tác viên trình Tổng Kiểm toán nhà nước danh sách công tác viên; tham gia Hội đồng thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện đối với công tác viên (*trong trường hợp thành lập Hội đồng*); ký hợp đồng với công tác viên của các đơn vị chủ trì là Kiểm toán nhà nước chuyên ngành, các đơn vị tham mưu theo danh sách đã được Tổng Kiểm toán nhà nước phê duyệt; theo dõi việc thực hiện hợp đồng, thanh lý hợp đồng, quyết toán kinh phí đối với việc sử dụng công tác viên theo quy định.

b) Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán có trách nhiệm tham mưu Tổng Kiểm toán nhà nước thành lập Hội đồng thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện đối với công tác viên; là thường trực Hội đồng thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện đối với công tác viên (*trong trường hợp thành lập Hội đồng*); chủ trì phối hợp với Văn phòng Kiểm toán nhà nước, đơn vị chủ trì và các đơn vị liên quan tham mưu cho Tổng Kiểm toán nhà nước về nội dung hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với công tác viên.

c) Vụ Tổng hợp có trách nhiệm tham gia Hội đồng thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện đối với công tác viên (*trong trường hợp thành lập Hội đồng*).

d) Vụ Pháp chế có trách nhiệm thẩm định tính pháp lý của Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với công tác viên theo yêu cầu của Tổng Kiểm toán nhà nước; tham gia Hội đồng thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện đối với công tác viên (*trong trường hợp thành lập Hội đồng*).

2. Trách nhiệm của các đơn vị chủ trì:

a) Căn cứ kế hoạch công tác của đơn vị (kế hoạch công tác năm, kế hoạch kiểm toán năm, kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch kiểm toán của đoàn kiểm toán) hoặc yêu cầu thực tế phát sinh trong quá trình kiểm toán chịu trách nhiệm xác định nhu cầu sử dụng công tác viên, lập kế hoạch đề xuất những công việc cần sử dụng công tác viên, đề xuất danh sách công tác viên, dự toán kinh phí trình Tổng Kiểm toán nhà nước (*qua Văn phòng Kiểm toán nhà nước*).

b) Đề xuất tiêu chuẩn, điều kiện đối với công tác viên, lựa chọn công tác viên trình Tổng Kiểm toán nhà nước (*qua Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán*);

c) Tham gia Hội đồng thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện đối với công tác viên (*trong trường hợp thành lập Hội đồng*).

d) Thực hiện ký hợp đồng với công tác viên theo danh sách đã được Tổng kiểm toán nhà nước phê duyệt (Trường hợp đơn vị chủ trì là các Vụ tham mưu,

Kiểm toán nhà nước chuyên ngành thì phối hợp với Văn phòng Kiểm toán nhà nước để ký hợp đồng);

e) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng; Kiểm soát chất lượng kiểm toán theo trách nhiệm quy định tại Quy chế kiểm soát chất lượng kiểm toán của Kiểm toán nhà nước;

g) Nghiệm thu kết quả thực hiện, thanh lý hợp đồng sử dụng công tác viên và quyết toán kinh phí theo quy định (Trường hợp đơn vị chủ trì là đơn vị tham mưu, Kiểm toán nhà nước chuyên ngành thì phối hợp với Văn phòng Kiểm toán nhà nước thực hiện các thủ tục thanh lý hợp đồng và quyết toán).

3. Ngoài các trách nhiệm nêu trên, các đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến việc sử dụng công tác viên theo chức năng, nhiệm vụ được giao và khi được Tổng Kiểm toán nhà nước phân công.

Chương 3

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh mới hoặc khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh kịp thời về Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán để tổng hợp, báo cáo Tổng Kiểm toán nhà nước sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.